

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDA
CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
09 / 03 / 2023
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112122001	Trần Quang	Khỏe	10/10/2004	Nam	7,0	4,8	5,9	001		
2	112122002	Lê Trường	Lâm	12/08/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	002		
3	112122003	Nguyễn Việt	Lâm	06/02/2004	Nam	3,5	3,3	3,4	003		
4	112122004	Chau Thanh	Liêm	28/01/2004	Nam	7,0	3,3	5,2	004		
5	112122007	Thạch Bình	Sơn	08/08/2004	Nam	6,5	4,3	5,4	005		
6	112122008	Huỳnh Phát	Tài	13/08/2004	Nam	2,5	4,0	3,3	006		
7	112122009	Dương Văn	Thuận	02/02/2004	Nam	7,0	2,8	4,9	007		
8	112122010	Nguyễn Đặng Minh	Trị	18/04/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	008		
9	112122011	Hà Hữu	Văn	13/04/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	009		
10	112122012	Nguyễn Phước	An	18/12/2004	Nam	2,8	3,5	3,2	010		
11	112122013	Trịnh Hoàng	Ân	10/01/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	011		
12	112122015	Mai Anh	Bằng	20/12/2004	Nam	7,5	5,5	6,5	012		
13	112122016	Võ	Bằng	29/11/2004	Nam	7,0	4,0	5,5	013		
14	112122019	Nguyễn Chí	Bảo	23/11/2004	Nam	7,0	3,8	5,4	014		
15	112122020	Phan Văn	Bảo	12/02/2003	Nam	6,0	3,8	4,9	015		
16	112122021	Phạm Quách Gia	Bảo	14/10/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	016		
17	112122022	Trần Quốc	Bảo	17/10/2004	Nam	6,0	3,3	4,7	017		
18	112122023	Sơn Thị Li	Ca	14/02/2004	Nữ	7,0	4,0	5,5	018		
19	112122024	Lê Minh	Cần	14/01/2004	Nam	6,0	4,3	5,2	019		
20	112122025	Hồ Minh	Cánh	25/08/2004	Nam	7,0	3,0	5,0	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Bảo

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Văn Bảo

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

9/3
D71.107

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDA

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TTĐ

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 3 / 23

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112122026	Lương Công Cừa	19/04/2004	Nam	6,0	5,0	5,5	001	Cừa		
2	112122028	Huỳnh Văn Châu	19/06/2004	Nam	6,5	4,3	5,4	002	Chau		
3	112122029	Nguyễn Hữu Đăng	04/11/2004	Nam	7,0	2,0	4,5	003	Do		
4	112122030	Phan Văn Đạt	10/01/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	004	Phan		
5	112122031	Trần Tấn Đạt	12/09/2004	Nam	6,5	5,0	5,8	005	Phan		
6	112122032	Trương Hữu Đây	10/11/2003	Nam	7,0	5,3	6,2	006	Phan		5,38m
7	112122033	Trần Hữu Đình	27/07/2003	Nam	7,5	5,5	6,5	007	Phan		
8	112122034	Lý Vũ Đồng	23/06/2004	Nam	6,0	4,5	5,3	008	Phan		
9	112122035	Lê Phước Dực	21/06/2004	Nam	6,5	5,3	5,9	009	Phuocduc		
10	112122036	Bùi Quốc Duy	13/11/2003	Nam	6,5	5,8	6,2	010	Phan		
11	112122037	Nguyễn Hoàng Duy	30/12/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	011	Huongduy		
12	112122038	Nguyễn Hoàng Duy	18/01/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	012	Huongduy		
13	112122039	Trần Đức Duy	20/12/2004	Nam	6,0	4,5	5,3	013	Phan		
14	112122040	Nguyễn Văn Tuấn Em	11/02/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	020	Phan		
15	112122041	Lưu Hoàng Giang	12/12/2004	Nam	7,5	4,0	5,8	014	Phan		
16	112122042	Nguyễn Trường Giang	06/02/2004	Nam	3,3	—	—	—	—	—	
17	112122043	Nguyễn Văn Giàu	24/05/2004	Nam	6,5	3,3	4,9	016	Phan		
18	112122045	Trần Nhật Hào	09/07/2003	Nam	6,0	4,3	5,2	017	Phan		
19	112122046	Nguyễn Ngọc Hồ	30/11/2004	Nam	7,0	5,5	6,3	018	Phan		
20	112122049	Dương Tấn Hoàng	07/11/2003	Nam	6,0	4,8	5,4	019	Phan		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Phan Ng. T. Lanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Ng. T. Lanh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phan Ng. T. Lanh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

9/3
D71.110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDA
CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
09 / 3 / 2023
Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112122050	Nguyễn Minh Hùng	28/04/2004	Nam	6,5	3,0	4,8	001	<u>MH</u>		
2	112122068	Mai Hoàng Khương	11/01/2003	Nam	6,0	3,8	4,9	002	<u>CH</u>		
3	112122110	Nguyễn Ngọc Sơn	15/04/2004	Nam	6,5	4,3	5,4	003	<u>S</u>		
4	112122152	Nguyễn Ngọc Ánh	03/12/2004	Nữ	6,5	4,3	5,4	001	<u>Sgoc</u>		
5	112122153	Trần Minh Đăng	17/10/2004	Nam	6,5	4,0	5,3	002	<u>DM</u>		
6	112122154	Phan Công Danh	13/04/2004	Nam	6,5	4,0	5,3	003	<u>PC</u>		
7	112122155	Nguyễn Bảo Hoàng	03/01/2004	Nam	6,5	3,3	4,9	004	<u>NB</u>		
8	112122156	Lý Văn Lành	24/04/2003	Nam	7,5	3,5	5,5	005	<u>LV</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bồi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/03/2023Phòng thi: D71.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122051	Lê Phúc Hưng	30/10/2004	Nam	7,5	3,3	5,4	001	<u>Phúc Hưng</u>		
2	112122052	Nguyễn Tấn Hưng	14/03/2003	Nam	3,3						
3	112122053	Huỳnh Gia Huy	19/07/2004	Nam	6,5	5,5	6,0	003	<u>Huy</u>		
4	112122054	Kiều Đức Huy	31/03/2004	Nam	6,5	6,8	6,7	004	<u>Đức Huy</u>		
5	112122055	Nguyễn Quốc Huy	17/06/2004	Nam	6,5	5,8	6,2	005	<u>Quốc Huy</u>		
6	112122056	Trần Tấn Huy	28/09/2004	Nam	6,0	4,0	5,0	006	<u>Tấn Huy</u>		
7	112122057	Trương Đan Huy	26/11/2004	Nam							
8	112122058	Lê Duy Kha	20/09/2004	Nam	6,0	7,0	6,5	008	<u>Duy Kha</u>		
9	112122059	Trần Minh Kha	07/07/2004	Nam	6,0						
10	112122061	Nguyễn Duy Khang	15/08/2004	Nam	6,5						
11	112122062	Phạm Vương Khang	09/02/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	011	<u>Vương Khang</u>		
12	112122063	Tô Vĩnh Khang	28/07/2004	Nam	8,0	2,5	5,3	012	<u>Vĩnh Khang</u>		
13	112122066	Dương Tuấn Khoa	17/08/2004	Nam							
14	112122069	Trần Trung Kiên	11/09/2004	Nam	6,5						
15	112122070	Lê Chí Kiện	20/11/2003	Nam	6,5	3,8	5,2	015	<u>Chí Kiện</u>		<u>Ngân 3,8</u>
16	112122071	Đường Minh Kiệt	01/07/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	016	<u>Minh Kiệt</u>		
17	112122072	Lê Anh Kiệt	28/10/2004	Nam	6,5	4,5	5,5	017	<u>Anh Kiệt</u>		
18	112122073	Nguyễn Bảo Linh	19/07/2004	Nam	7,0	3,8	5,4	018	<u>Bảo Linh</u>		
19	112122075	Lê Tấn Lộc	27/10/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	019	<u>Tấn Lộc</u>		
20	112122076	Phạm Tấn Lộc	18/01/2004	Nam	6,5	5,3	5,9	020	<u>Tấn Lộc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Trần Văn BồiCán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDB
CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
09/3/2023
Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122077	Lý Minh Lợi	21/01/2003	Nam	6,0	4,8	5,4	001	Lý		
2	112122078	Nguyễn Trọng Luân	24/09/2004	Nam	7,5	6,8	7,2	002	Luân		
3	112122081	Dương Gia Luật	16/11/2004	Nam	6,5	4,3	5,4	003	Luật		
4	112122082	Quang Hồng Lượng	21/06/2004	Nam	7,0	3,0	5,0	004	Quang		
5	112122083	Mu Ham Mach	04/10/2004	Nam	7,0	5,0	6,0	005	Mach		
6	112122084	Nguyễn Duy Minh	07/02/2004	Nam	—	4,3	2,2	006	Minh		
7	112122086	Trần Công Minh	18/04/2004	Nam	6,0	5,3	5,7	007	Minh		
8	112122087	Ngũ Hoài Nam	25/08/2004	Nam	6,0	5,3	5,7	008	Nam		
9	112122088	Nguyễn Sơn Nam	06/05/2004	Nam	6,0	4,8	5,4	009	Sơn		
10	112122089	Phạm Trần Minh Ngọc	17/06/2004	Nam	6,0	—	—	—	—		
11	112122091	Thạch Minh Nhật	14/09/2004	Nam	6,5	4,3	5,4	011	Nhật		
12	112122092	Đoàn Thị Huỳnh Như	28/12/2002	Nữ	6,0	4,5	5,3	012	Như		
13	112122093	Nguyễn Hoàng Nhựt	25/06/2004	Nam	7,0	5,3	6,2	013	Nhựt		
14	112122094	Nguyễn Minh Nhựt	04/03/2004	Nam	6,5	4,8	5,7	014	Nhựt		
15	112122095	Nguyễn Thanh Phát	08/02/2004	Nam	7,5	5,3	6,4	015	Phát		
16	112122096	Nguyễn Thành Phát	15/01/2004	Nam	6,5	6,3	6,4	016	Phát		
17	112122098	Trần Tiến Phát	06/02/2004	Nam	7,5	6,8	7,2	017	Phát		
18	112122099	Kiên Tùng Phong	10/11/2003	Nam	6,5	6,8	6,7	018	Phong		
19	112122100	Nguyễn Hoàn Phong	16/10/2004	Nam	7,0	6,3	6,7	019	Phong		
20	112122124	Trần Phúc Thịnh	23/11/2004	Nam	6,5	6,5	6,5	020	Phúc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19
Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Bồi

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDB

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá:.....*TV*.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/03/2023

Phòng thi:.....*ĐH 110*.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122157	Thái Nhật	Nam	04/07/2003	Nam	<i>—</i>	<i>—</i>	<i>—</i>	<i>—</i>	<i>—</i>		<i>Ngư?</i>
2	112122158	Huỳnh Hữu	Ngư	18/04/2004	Nam	<i>6,0</i>	<i>4,0</i>	<i>5,0</i>	<i>010</i>	<i>ngư</i>		
3	112122159	Lê Hồng	Phát	14/05/2004	Nam	<i>6,0</i>	<i>5,0</i>	<i>5,5</i>	<i>011</i>	<i>ph</i>		
4	112122160	Trần Hoàng	Phúc	25/06/2004	Nam	<i>7,0</i>	<i>4,3</i>	<i>5,7</i>	<i>012</i>	<i>ph</i>		
5	112122161	Nguyễn Thái	Quốc	07/08/2003	Nam	<i>6,5</i>	<i>4,3</i>	<i>5,4</i>	<i>013</i>	<i>ph</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....*05*.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....*05*.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....*01*.....

Tổng số tờ:.....*04*.....

Cán bộ coi thi 1:.....*Trần Văn Bồi*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....*50*.....%; Điểm KT:.....*50*.....%

Trà Vinh, Ngày *14* tháng *3* năm *2023*

Cán bộ ghi điểm:.....*Sơn Sơn*.....

Cán bộ kiểm tra:.....*Thái*.....

9/3

D71.107

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (11 -)/DA22KDC

CBGD: Trần Văn Bồi (ML02)

Hình thức đánh giá: TV

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 3 / 23Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112122132	Nguyễn Văn	Tinh	28/04/2004	Nam	6,5	3.3	4,9	001	<u>20/01/23</u>	
2	112122133	Trần Thiện	Toàn	10/02/2004	Nam	6,5	4.8	5,7	002	<u>20/01/23</u>	
3	112122135	Mai Hoàng	Trãi	24/04/2004	Nam	6,3	4.5	5,4	003	<u>19/01/23</u>	
4	112122137	Hồ Minh	Trí	06/01/2004	Nam	6,3	6.3	6,3	004	<u>19/01/23</u>	
5	112122138	Trần Hoàng	Trí	15/03/2004	Nam	6,0	3.5	4,8	005	<u>20/01/23</u>	
6	112122139	Trần Huỳnh Nhật	Trí	23/07/2004	Nam	6,3	4.0	5,2	006	<u>19/01/23</u>	
7	112122140	Mai Minh	Triển	23/11/2004	Nam	7,0	5.0	6,0	007	<u>19/01/23</u>	
8	112122141	Trần Thành	Triệu	17/10/2004	Nam	6,3	3.8	5,1	008	<u>Trần</u>	
9	112122142	Thạch Nhựt	Trung	16/06/2004	Nam	6,5	4.0	5,3	009	<u>19/01/23</u>	
10	112122144	Mai Quốc	Trưởng	07/12/2004	Nam	3,0	5.3	4,2	010	<u>19/01/23</u>	
11	112122145	Kiều Minh	Truyền	21/12/2004	Nam	6,0	4.0	5,0	011	<u>Truyền</u>	
12	112122147	Đinh Văn	Út	10/03/2004	Nam	3,0	—	—	—	—	
13	112122148	Đỗ Lâm Anh	Văn	16/07/2004	Nam	6,0	3.3	4,7	013	<u>19/01/23</u>	
14	112122149	Dương Thế	Vinh	08/02/2004	Nam	6,0	4.0	5,0	014	<u>19/01/23</u>	
15	112122150	Nguyễn Quốc	Vinh	08/05/2004	Nam	3,0	3.5	3,3	015	<u>19/01/23</u>	
16	112122151	Lê Thanh	Ý	11/04/2004	Nam	7,0	2.8	4,9	016	<u>19/01/23</u>	
17	112122162	Kim	Siên	20/12/2003	Nam	6,0	3.5	4,8	017	<u>19/01/23</u>	
18	112122163	Nguyễn Hữu	Thanh	31/03/2004	Nam	3,3	4.5	3,9	018	<u>19/01/23</u>	
19	112122164	Võ Nhật	Thanh	14/09/2004	Nam	6,0	3.5	4,8	019	<u>19/01/23</u>	
20	112122165	Lê Trần	Tiến	24/07/2004	Nam	—	—	—	—	—	
21	112122166	Trần Quốc	Trọng	22/07/2004	Nam	6,5	4.8	5,7	021	<u>19/01/23</u>	
22	112122167	Ung Văn	Vũ	04/02/2004	Nam	3,5	4.3	3,9	022	<u>19/01/23</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 14 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Trần Văn BồiCán bộ ghi điểm: Trần Văn Bồi

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Văn Bồi